

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1559 Ngày 28 tháng 12 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt):	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	
Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh):	Master of Economic Management	
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ	
Định hướng:	Nghiên cứu	
Ngành đào tạo:	Quản lý kinh tế	Mã số: 8340410
Chuyên ngành đào tạo:	Quản lý kinh tế	

### 1. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo người có trình độ thạc sĩ có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có kiến thức cập nhật, hiện đại về kinh tế và kiến thức nâng cao, chuyên sâu về phân tích và quản lý kinh tế; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề chuyên môn về quản lý kinh tế, đặc biệt là trong phân tích, hoạch định chính sách, tổ chức quản lý và giải quyết các vấn đề kinh tế tại doanh nghiệp và ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế quốc dân. Đồng thời có khả năng phát triển kiến thức mới, có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

### 2. Chuẩn đầu ra

#### 2.1. Kiến thức:

- Có phương pháp tư duy, phương pháp nghiên cứu khoa học và những lý thuyết nền tảng hiện đại, chuyên sâu về kinh tế và quản lý kinh tế;

- Có kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về quản lý kinh tế, bao gồm những kiến thức về quản lý, phân tích và dự báo kinh tế; hoạch định chiến lược và chính sách phát triển kinh tế và kinh doanh; Đặc biệt, người học còn được trang bị những kiến thức chuyên môn sâu về kinh tế và quản lý kinh tế ở một số lĩnh vực: Thương mại, tài chính – ngân hàng, du lịch, đầu tư.

- Có kiến thức về các kỹ thuật tiên tiến, phương pháp phân tích kinh tế hiện đại, khoa học và phù hợp trong quản lý kinh tế.

## 2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu về những tác động của môi trường kinh tế - xã hội, đặc biệt là các chính sách, công cụ quản lý nhà nước đến các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế và doanh nghiệp;

- Kỹ năng nghiên cứu và dự báo kinh tế; phân biện, phân tích, hoạch định, tổ chức và quản lý chính sách kinh tế ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế và tại doanh nghiệp;

- Kỹ năng sử dụng các công nghệ, phương pháp định tính và định lượng phù hợp, tiên tiến trong phân tích các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế;

- Kỹ năng thảo luận, giao tiếp và truyền thông tri thức về các vấn đề kinh tế, chính sách và công cụ quản lý kinh tế;

- Kỹ năng làm việc độc lập hay theo nhóm trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về kinh tế và quản lý kinh tế một cách sáng tạo, hiệu quả và chuyên nghiệp;

- Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có khả năng hiểu và diễn đạt bằng ngoại ngữ các báo cáo, tình huống công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

## 2.3. Thái độ

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có hiểu biết và làm việc theo pháp luật; có bản lĩnh chính trị vững vàng và nghề nghiệp cao; có trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng;

- Có hành vi đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, khả năng làm việc độc lập, chủ động trong học tập và nghiên cứu, có khả năng cập nhật kiến thức mới, ứng dụng sáng tạo những tiến bộ khoa học trong công việc được giao;

- Tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy năng động, coi trọng hiệu quả công việc, có năng lực làm việc độc lập và thích nghi với môi trường làm việc có nhiều áp lực của cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

## 3. Điều kiện dự tuyển:

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học:

- Thuộc ngành đúng (ngành Kinh tế, mã 7310101) không phải học bổ sung kiến thức.

- Thuộc ngành gần (các ngành đào tạo khác thuộc nhóm ngành kinh tế học, mã 73101) phải học 2 học phần để bổ sung kiến thức: Nguyên lý quản lý kinh tế (3TC), Quản lý nhà nước về thương mại (3TC).

- Thuộc các ngành đào tạo khác (thuộc nhóm ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội,

ngôn ngữ) phải học bổ sung kiến thức 5 học phần: Kinh tế học (3TC), Nguyên lý quản lý kinh tế (3TC), Kinh tế công cộng (3TC), Quản lý nhà nước về thương mại (3TC), Luật kinh tế (3TC).

- Người dự tuyển tốt nghiệp đại học ở nước ngoài /chương trình liên kết quốc tế, Trường sẽ thành lập Hội đồng xét công nhận khối lượng chuyên đổi kết quả học tập và các học phần phải học bổ sung.

#### 4. Phương thức tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Thương mại.

#### 5. Điều kiện tốt nghiệp

Người học hoàn thành chương trình đào tạo và đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại.

#### 6. Nội dung chương trình đào tạo:

##### 6.1. Khái quát chương trình

Tổng số tín chỉ tích lũy: 60 tín chỉ

Kiến thức chung: 6 tín chỉ

Kiến thức ngành: BB: 6 tín chỉ; TC: 6 tín chỉ

Kiến thức chuyên ngành: BB: 6 tín chỉ; TC: 12 tín chỉ

Nghiên cứu khoa học: 09 tín chỉ

Luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ

##### 6.2. Cấu trúc chương trình

STT	KIẾN THỨC / HỌC PHẦN	SỐ TC	CẤU TRÚC
1	<b>KIẾN THỨC CHUNG</b>	6	
1	Triết học	4	42,18
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	20,10
2	<b>KIẾN THỨC NGÀNH</b>	12	
2.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>	6	
1	Kinh tế vĩ mô	2	20,10
2	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	20,10
3	Luật kinh tế nâng cao	2	20,10
2.2	<b>Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong 6 HP sau)</b>	6	
1	Quản lý công	2	20,10
2	Kinh tế phát triển nâng cao	2	20,10
3	Kinh tế nguồn nhân lực	2	20,10
4	Quản trị chiến lược	2	20,10
5	Kinh doanh quốc tế nâng cao	2	20,10
6	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	2	20,10
3	<b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>	18	
3.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>	6	
1	Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	2	20,10

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
THƯƠNG MẠI

\*

2	Phân tích chính sách kinh tế, thương mại	2	20,10
3	Phân tích và quản lý nhà nước về đầu tư	2	20,10
<b>3.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (Chọn 6 trong 12 HP sau)</b>	<b>12</b>	
1	Marketing xuất khẩu	2	20,10
2	Quản lý thuế	2	20,10
3	Tài chính công nâng cao	2	20,10
4	Kiểm toán hoạt động	2	20,10
5	Chính sách thương mại của các nước đang phát triển	2	20,10
6	Quản trị dịch vụ nâng cao	2	20,10
7	Dịch vụ ngân hàng hiện đại	2	20,10
8	Chiến lược chuỗi cung ứng	2	20,10
9	Lãnh đạo và quản lý	2	20,10
10	Thương mại và đầu tư quốc tế	2	20,10
11	Quản trị sự thay đổi	2	20,10
12	Phân tích kinh tế doanh nghiệp	2	20,10
<b>4</b>	<b>NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b>	<b>9</b>	
<b>5</b>	<b>LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>	<b>15</b>	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>60</b>	

6.3. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo  
(xem Phụ lục kèm theo).

### 7. Kế hoạch đào tạo

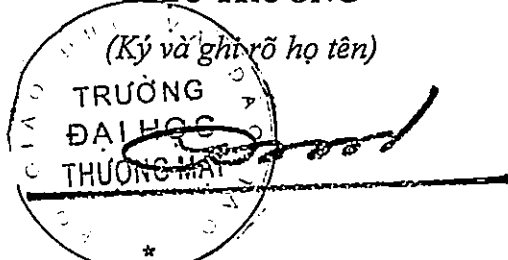
Stt	Kỳ học (Số TC)	Khối kiến thức, học phần đào tạo	Giảng viên
1	Kì thứ nhất (6TC)	<b>Kiến thức chung</b>	
		- Triết học (BB, 4 TC)	1. TS. Tạ Thị Vân Hà 2. PGS,TS. Phương Kỳ Sơn 3. TS. Đặng Minh Tiến
		- Phương pháp nghiên cứu khoa học (BB, 2 TC)	1. TS Lê Tiến Đạt 2. TS Phạm Thị Minh Uyên
2	Kì thứ hai (16 TC)	<b>Kiến thức ngành</b>	
		- Kinh tế vĩ mô (BB, 2 TC)	1. PGS,TS. Phạm Thị Tuệ 2. PGS,TS. Phan Thế Công 3. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 4. TS. Trần Việt Thảo 5. TS Lê Mai Trang
		- Quản lý nhà nước về kinh tế (BB, 2 TC)	1. PGS,TS. Hà Văn Sự 2. TS. Chu Thị Thủy 3. TS Nguyễn Thị Hương Giang
		- Luật kinh tế nâng cao (BB, 2 TC)	1. PGS, TS. Trần Thu Phương 2. TS. Trần Thành Thọ 3. TS. Nguyễn Thị Tình 4. TS Đinh Thị Thanh Thủy
		- Quản lý công (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Phạm Thị Tuệ 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

		- Kinh tế phát triển nâng cao (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Phạm Thị Tuệ 2. TS. Lê Mai Trang
		- Kinh tế nguồn nhân lực (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Phạm Công Đoàn 2. PGS,TS Ng Thị Minh Nhân 3. TS Nguyễn Thị Liên
		- Quản trị chiến lược (TC, 2 TC)	1. TS. Đỗ Thị Bình 2. PGS,TS. Nguyễn Hoàng Long 3. PGS,TS. Nguyễn Hoàng Việt 4. PGS,TS. Nguyễn Hoàng 5. PGS,TS. Nguyễn Đức Nhuận 6. TS Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt 7. TS Nguyễn Thị Uyên
		- Kinh doanh quốc tế nâng cao (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Doãn Kế Bôn 2. TS. Lê Thị Việt Nga
		- Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Nguyễn Bá Minh 2. PGS,TS. Nguyễn Sinh Bảy 3. TS. Phan Thanh Tùng
		<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	
		- Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (BB, 2 TC)	1. PGS,TS. Lê Thị Kim Nhung 2. TS. Vũ Xuân Dũng 3. TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh 4. TS. Nguyễn Thanh Huyền
		- Phân tích chính sách kinh tế, thương mại (BB, 2 TC)	1. PGS,TS. Hà Văn Sự 2. TS. Vũ Tam Hòa 3. TS Dương Hoàng Anh
3	Kì thứ ba (14 TC)	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	
		- Phân tích và quản lý nhà nước về đầu tư (BB, 2 TC)	1. TS. Chu Thị Thủy 2. PGS,TS. Hà Văn Sự
		- Marketing xuất khẩu (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Cao Tuấn Khanh 2. GS,TS Nguyễn Bách Khoa 2. PGS,TS. Phạm Thúy Hồng 3. PGS,TS. Nguyễn Tiến Dũng
		- Quản lý thuế (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Lê Thị Kim Nhung 2. TS. Vũ Xuân Dũng 3. TS. Nguyễn Thanh Huyền
		- Tài chính công nâng cao (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Lê Thị Kim Nhung 2. TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh
		- Kiểm toán hoạt động (TC, 2 TC)	1. PGS,TS Phạm Đức Hiếu 2. PGS,TS. Nguyễn Phú Giang 3. TS. Nguyễn Việt Tiến 4. TS Nguyễn Thị Hồng Lam
		- Chính sách thương mại của các nước đang phát triển (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Bùi Xuân Nhân 2. PGS,TS. Hà Văn Sự
		- Quản trị dịch vụ nâng cao (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Ng Thị Nguyên Hồng 2. TS. Trần Thị Bích Hằng

			3. PGS,TS Bùi Xuân Nhân 4. TS Nguyễn Hóa
		- Dịch vụ ngân hàng hiện đại (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Ng Thị Phương Liên 2. PGS,TS. Nguyễn Thu Thủy 3. TS. Nguyễn Thanh Phương 4. TS Đặng Thị Minh Nguyệt
		- Chiến lược chuỗi cung ứng (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. An Thị Thanh Nhân 2. PGS,TS. Ng Văn Minh (T) 3. TS. Lục Thị Thu Hương
		- Lãnh đạo và quản lý (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Ng Thị Bích Loan 2. PGS,TS. Trần Hùng 3. PGS,TS. Bùi Hữu Đức 4. TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân 5. TS. Trần Thị Hoàng Hà 6. TS. Nguyễn Thanh Hải 7. GS,TS Phạm Vũ Luận 8. TS Phạm Trung Tiến
		- Thương mại và đầu tư quốc tế (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Doãn Kế Bốn 2. TS. Lê Thị Việt Nga 3. TS. Nguyễn Bích Thủy
		- Quản trị sự thay đổi (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Ng Thị Bích Loan 2. PGS,TS. Trần Hùng 3. PGS,TS. Bùi Hữu Đức 4. TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân 5. GS,TS Phạm Vũ Luận 6. TS. Trần Thị Hoàng Hà 7. TS. Nguyễn Thanh Hải 8. TS Phạm Trung Tiến
		- Phân tích tài chính doanh nghiệp (TC, 2 TC)	1. PGS,TS. Nguyễn Quang Hùng 2. TS. Đặng Văn Lương 3. TS. Trần Ngọc Trang
4	Kì thứ tư (24 TC)	Luận văn tốt nghiệp (24 TC)	

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)



GS, TS. Đinh Văn Sơn

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS, TS. Hà Văn Sự